

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/DS-ST

Ngày: 29 - 01- 2018

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC-TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hương.

2/ Ông Nguyễn Văn Cao.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 444/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc: *“tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2017/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2017/QĐST-DS ngày 11/01/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X.

Địa chỉ trụ sở: Số 89 A, phường B, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông N C D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà V T N N, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp Y, xã T P, huyện B L, tỉnh Long An.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 08/11/2017).

Bị đơn: Bà N T T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp A, xã T L, huyện B L, tỉnh Long An.

(Bà N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà T vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà V T N N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 24/8/2015, Ngân hàng TMCP X có ký hợp đồng tín dụng số 20150824-103046-0002 với bà N T T vay số tiền 42.302.472 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3.75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, Bà T có trách nhiệm

thanh toán số tiền 78.329.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 2.161.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.694.000 đồng, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/10/2015.

Thực hiện hợp đồng, Bà T đã nhận đủ số tiền và thanh toán cho Ngân hàng được 04 lần với tổng số tiền là 8.656.000 đồng. Kể từ ngày 01/02/2016 đến nay, Bà T không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào, mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở yêu cầu thanh toán nhiều lần.

Nay Ngân hàng TMCP X yêu cầu bà N T T phải thanh toán một lần cho Ngân hàng số tiền là 64.913.200 đồng (trong đó nợ gốc là 40.048.442 đồng, nợ lãi là 24.882.758 đồng).

Bị đơn N T T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai, biên bản hòa giải và phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 07/12/2017, Bà T trình bày: Bà xác nhận lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về nội dung hợp đồng tín dụng, quá trình thực hiện hợp đồng và số nợ còn lại là đúng. Nay Ngân hàng TMCP X khởi kiện yêu cầu bà phải thanh toán một lần số tiền là 64.913.200 đồng (trong đó nợ gốc là 40.048.442 đồng, nợ lãi là 24.882.758 đồng), bà đồng ý trả nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngân hàng TMCP X khởi kiện yêu cầu bà N T T phải thanh toán một lần cho Ngân hàng số tiền nợ tới hạn là 64.913.200 đồng (trong đó nợ gốc là 40.048.442 đồng, nợ lãi là 24.882.758 đồng). Nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và còn trong thời hiệu khởi kiện. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điểm c, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Đối với bà Võ Thị Ngọc Ngân là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà N T T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bà N, Bà T theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Xét thấy, hợp đồng tín dụng số 20150824-103046-0002 ngày 24/8/2015 giữa Ngân hàng TMCP X với bà N T T được 02 bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện, đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật về giao dịch dân sự. Ngân hàng TMCP X đã giải ngân cho Bà T. Căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện Bà T mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng được 04 lần với tổng số tiền là 8.656.000 đồng. Kể từ ngày

01/02/2016 đến nay, Bà T không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào, mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở yêu cầu thanh toán nhiều lần.

[4] Việc Bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa hai bên làm cho quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm.

Tại phiên tòa, Bà T thừa nhận số nợ như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày là đúng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý.

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác nhưng Bà T vẫn không có ý kiến phản hồi và vắng mặt tại phiên tòa.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bà T phải thanh toán một lần số tiền nợ tới hạn là 66.450.407 đồng (trong đó nợ gốc là 40.048.442 đồng, nợ lãi là 26.401.965 đồng) là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng, phù hợp quy định tại các Điều 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên chấp nhận.

[5] Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà N T T phải chịu 66.450.407 đồng X 5% = 3.322.520 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP X theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39; Khoản 1 Điều 42; Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 474, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà N T T.

2. Buộc bà N T T phải thanh toán một lần cho Ngân hàng TMCP X số tiền 64.913.200 đồng (trong đó nợ gốc là 40.048.442 đồng, nợ lãi là 24.882.758 đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP X có đơn yêu cầu thi hành án, bà N T T phải trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 20150824-103046-0002 ký ngày 24/8/2015 với Ngân hàng TMCP X cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N T T phải chịu 3.322.520 đồng án phí DSST sung Ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP X tiền tạm ứng án phí 1.741.825 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 05898 ngày 20/11/2017 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hoàng

